

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12- ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/KDTM-ST

Ngày: 10 - 02 - 2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng,
tranh chấp hợp đồng bảo lãnh

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Đào

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Huệ
Bà Lê Thị Thận

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ái Vi – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Đàm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12- Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 18/2025/TLST – KDTM, ngày 08 tháng 11 năm 2026 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, tranh chấp hợp đồng bảo lãnh*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2026/QĐXX – TA ngày 30 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A (A);

Địa chỉ: Số 89 A, phường B, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế A - Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ pháp lý KHDN 3 - Trung tâm xử lý nợ khách hàng doanh nghiệp (Theo Văn bản ủy quyền số 50/UQN - CTQT ngày 07/11/2025)

Người được ủy quyền tham gia tố tụng:

- Ông Quảng Ngọc A1– Chuyên viên xử lý nợ pháp lý khách hàng doanh nghiệp.

- Ông Vũ Văn V - Chuyên viên xử lý nợ pháp lý khách hàng doanh nghiệp.

Cùng địa chỉ làm việc: Tầng 1, số 96 C, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. (Điều có mặt)

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T

Địa chỉ: Thôn E, xã G, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn T - Chức vụ: Chủ tịch Công ty kiêm giám đốc. (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn E, xã G, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng A trình bày:

Công ty TNHH T (sau đây viết tắt là Công ty T) đã vay vốn tại Ngân hàng A (sau đây viết tắt là A) chi nhánh Bình Phước theo Hợp đồng cho vay số: CLC-47315-01 ngày 09/06/2025. Hạn mức cho vay: 2.000.000.000 đồng; thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả đối với tiền lãi chậm trả là 10%/năm; mục đích sử dụng vốn vay: Bán buôn đồ uống có cồn và không có cồn. A đã giải ngân toàn bộ số tiền vay theo các Khế ước nhận nợ sau:

Khế ước nhận nợ số: 100625-18989710-ONL-2 ngày 10/06/2025. Số tiền nhận nợ: 1.000.000.000 đồng; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 13 %/năm; lãi suất được cố định trong suốt thời hạn cho vay theo Khế ước nhận nợ.

Khế ước nhận nợ số: 100625-18989710-ONL-3 ngày 10/06/2025. Số tiền nhận nợ: 1.000.000.000 đồng; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 13 %/năm; lãi suất được cố định trong suốt thời hạn cho vay theo Khế ước nhận nợ.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, A và các bên đã thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm Bảo lãnh của ông Đặng Văn T với A theo Hợp đồng bảo lãnh số: ELOS-62448/25/SME/BLCN-01 ngày 09/06/2025, cụ thể ông Đặng Văn T (bên bảo lãnh) sẽ bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, uy tín và trách nhiệm của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh (Công ty T) trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại, các khoản phải hoàn trả và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Bên được bảo lãnh đối với bên Ngân hàng phát sinh từ các Văn kiện tín dụng; bao gồm Hợp đồng cho vay số CLC – 47315 - 01 ngày 09/06/2025, thỏa thuận khung về cấp tín dụng số CLC – 47315/18989710/TTK ngày 09/6/2025 và các văn kiện tín dụng được ký trước, trong và sau ngày ký hợp đồng bảo lãnh.

Tuy nhiên, phía Công ty T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên toàn bộ khoản vay đã chuyển quá hạn và phải chịu lãi suất quá hạn từ ngày 05/8/2025. Tính đến ngày 23/9/2025 thì Công ty T còn nợ Ngân hàng là 2.075.578.878 đồng, bao gồm: nợ gốc 2.000.000.000 đồng; nợ lãi 75.276.965 đồng; lãi chậm trả 301.913 đồng. Do đó A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty T phải trả ngay một lần cho A số tiền tạm tính đến ngày 23/9/2025 là 2.075.578.878 đồng, bao gồm: nợ gốc 2.000.000.000 đồng; nợ lãi 75.276.965 đồng; lãi chậm trả 301.913 đồng.

Công ty T còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn và lãi chậm trả theo các hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 24/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho ngân hàng.

Trường hợp Công ty T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu ông Đặng Văn T phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty T theo hợp đồng bảo lãnh đã ký với Ngân hàng.

Bị đơn Công ty T vắng trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn T vắng trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn Công ty T phải trả số tiền vay gốc 2.000.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 22.029.662 đồng; tiền lãi quá hạn tới thời điểm ngày 10/02/2026 là 202.862.344 đồng; lãi phạt chậm trả 1.147.270 đồng; tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu là 2.226.013.267 đồng.

Công ty T còn phải chịu các khoản tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng theo mức lãi suất đã thỏa thuận kể từ ngày 11/02/2026 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả các khoản nợ cho A thì ông Đặng Văn T phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (trả nợ thay) cho Công ty T theo Hợp đồng bảo lãnh số: ELOS-62448/25/SME/BLCN-01 ngày 09/06/2025 giữa ông Đặng Văn T và A - Chi nhánh Bình Phước.

Tại phiên tòa Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai có quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Đối với việc vắng mặt của người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty T, đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn T thì Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên ông Tuấn vẫn vắng mặt không có lý do, do đó đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Tuấn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A.

Buộc Công ty T phải có nghĩa vụ thanh toán cho A tạm tính đến ngày 10/02/2026 với số tiền 2.226.013.267 đồng, bao gồm: Nợ gốc 2.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 22.029.662 đồng, tiền lãi quá hạn 202.862.344 đồng, tiền lãi phạt chậm trả 1.147.270 đồng.

Công ty T còn phải trả các khoản tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong các Văn kiện tín dụng đã ký kết giữa Công ty T với Ngân hàng kể từ ngày 11/02/2026 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các khoản nợ cho A thì ông Đặng Văn T phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (trả nợ thay) cho Công ty T

theo Hợp đồng bảo lãnh số: ELOS-62448/25/SME/BLCN-01 ngày 09/06/2025 giữa ông Đặng Văn T và A – Chi nhánh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: A khởi kiện yêu cầu Công ty T trả số tiền gốc đã vay và các khoản lãi theo hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết, đồng thời yêu cầu ông Đặng Văn T thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo văn bản bảo lãnh đã ký kết; nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, tranh chấp hợp đồng bảo lãnh*” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Công ty T có địa chỉ tại thôn E, xã G, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12- Đồng Nai.

[2] Đối với việc vắng mặt người đại diện theo pháp luật của bị đơn, đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn T: Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên ông Tuấn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đặng Văn T.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Công ty T và A- Chi nhánh Bình Phước đã ký kết Hợp đồng cho vay số: CLC-47315-01 ngày 09/06/2025. Hạn mức cho vay: 2.000.000.000 đồng; thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; mục đích sử dụng vốn vay: Bán buôn đồ uống có cồn và không có cồn; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 13 %/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả là 10%/năm; lãi suất được cố định trong suốt thời hạn cho vay và thời hạn cho vay và trả nợ là 06 tháng từ ngày 10/6/2026 đến ngày 10/12/2025 theo các Khế ước nhận nợ số: 100625-18989710-ONL-2 và Khế ước nhận nợ số: 100625-18989710-ONL-3 ngày 10/6/2025; phương thức trả nợ vay: khách hàng trả nợ gốc khi đến hạn và trả lãi mỗi tháng 01 lần vào ngày 05 của tháng.

[4] Xét thấy, hợp đồng cho vay giữa các bên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty T thanh toán số tiền nợ tính đến hết ngày 10/02/2026 là 2.226.013.267 đồng, bao gồm: nợ gốc 2.000.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn: 22.029.662 đồng; tiền lãi quá hạn 202.862.344 đồng; lãi phạt chậm trả là 1.147.270 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày

11/02/2026 cho đến khi trả hết khoản nợ cho Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo lãnh số: ELOS-62448/25/SME/BLCN-01 ngày 09/06/2025 giữa ông Đặng Văn T với A – Chi nhánh Bình Phước thì ông Đặng Văn T (bên bảo lãnh) sẽ bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, uy tín và trách nhiệm của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh (Công ty T) trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại, các khoản phải hoàn trả và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Bên được bảo lãnh đối với bên Ngân hàng phát sinh từ các Văn kiện tín dụng; bao gồm Hợp đồng cho vay số CLC-47315-01 ngày 09/06/2025, thỏa thuận khung về cấp tín dụng số CLC – 47315/18989710/TTK ngày 09/6/2025 và các văn kiện tín dụng được ký trước, trong và sau ngày ký hợp đồng bảo lãnh. Theo đó, ông Tuấn phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty T toàn bộ khoản nợ đối với A trong trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ theo Hợp đồng cho vay Số: CLC-47315-01 ngày 09/06/2025, Khế ước nhận nợ Số: 100625 –18989710–ONL-3 ngày 10/06/2025 và Khế ước nhận nợ Số: 100625-18989710- ONL-3 ngày 10/06/2025, thỏa thuận khung về cấp tín dụng số CLC– 47315/18989710/TTK ngày 09/6/2025 giữa Công ty T và A - Chi nhánh Bình Phước. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu ông Đặng Văn T thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty T trong trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đối với Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty T phải chịu 76.520.265 đồng. Ngân hàng A không phải chịu, hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 36.755.788 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007036 ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

[7] Quan điểm của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 463, 464, 465, 466, 467 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A (A).

Buộc Công ty T phải có nghĩa vụ thanh toán cho A tính đến ngày 10/02/2026 với số tiền 2.226.013.267 đồng, bao gồm: nợ gốc là 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*); lãi trong hạn là 22.029.662 đồng (*Hai mươi hai triệu, không trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng*), tiền lãi quá hạn 202.862.344 đồng (*Hai trăm lẻ hai triệu, tám trăm sáu*

mười hai nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng); lãi phạt chậm trả là 1.147.270 đồng (Một triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi đồng).

Công ty T còn phải trả các khoản tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ cho A theo thỏa thuận trong các Văn kiện tín dụng đã ký kết giữa Công ty T với A kể từ ngày 11/02/2026 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho A thì ông Đặng Văn T phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (trả nợ thay) cho Công ty T theo Hợp đồng bảo lãnh số: ELOS-62448/25/SME/BLCN-01 ngày 09/06/2025 giữa ông Đặng Văn T và A – Chi nhánh Bình Phước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[2] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty T phải chịu 76.520.265 đồng (Bảy mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi nghìn hai trăm sáu mươi lăm đồng). A không phải chịu, hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 36.755.788 đồng (Ba mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn, bảy trăm tám mươi tám đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007036 ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

[3] Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12- Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Đào